

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28/02/2023

V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hải Đăng

2. Ông Đỗ Ngọc Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Thảo - Thư ký Tòa án

- Đại diện VKSND huyện Yên Thế tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/02/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Liễu Thị T, sinh năm 1989 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn Cầu T, xã Hồng K, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Mã Văn S, sinh năm 1988 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn Cầu T, xã Hồng K, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo, nguyên đơn Liễu Thị Thu trình bày:

Chị và anh Mã Văn S có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồng K, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang vào ngày 18/01/2016. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh S không tu chí làm ăn làm ham chơi, chị khuyên bảo nhiều lần không được nên chị đã về nhà ngoại sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay không quan tâm gì nhau nữa. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa và xin ly hôn anh Mã Văn S.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Mã Thị Thanh V, sinh ngày 02/7/2017 hiện nay khỏe và phát triển bình thường đang ở cùng ở chị. Sau khi ly hôn chị có nguyện nuôi cháu V. Chị yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 3/2023 đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, công nợ, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay chị T có mặt và giữ nguyên yêu cầu.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn là anh S trình bày:

Anh kết hôn với chị T vào 18/01/2016, trước khi kết hôn có tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện rồi đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng K. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì mâu thuẫn cho đến nay mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, anh thường xuyên phải đi làm ăn, khi về nói chuyện với chị T thì chị T lại cáu gắt. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không được, đến nay anh vẫn còn tình cảm với chị T đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nên chị thu xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Mã Thị Thanh V, sinh ngày 02/7/2017 hiện nay phát triển bình thường và đang ở cùng ở chị T. Anh có nguyện vọng nuôi con chung không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T có nguyện vọng nuôi cháu V, anh đồng ý. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn và giao cháu V cho chị T chăm sóc, chị T yêu cầu mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng anh đồng ý.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, công nợ, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà anh S có mặt và không đồng ý ly hôn.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Xử cho Chị Liễu Thị T được ly hôn anh Mã Văn S. Về con chung: Giao cho chị Liễu Thị T nuôi dưỡng con chung là Mã Thị Thanh V, sinh ngày 02/7/2017. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Cần công nhận sự thỏa thuận về mức cấp dưỡng giữa anh S, chị T. Anh S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T với mức 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 3/2023 đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Ngoài ra còn đề nghị về án phí cấp dưỡng và án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn và con chung với anh Mã Văn S, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn Cầu T, xã Hồng K, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Yên Thế đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh S kết hôn ngày 18/01/2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng K nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã nhau, mâu thuẫn trở nên trầm trọng, chị T đã bỏ về quê ngoại ở từ năm 2018 đến nay không về sống với anh S. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm gì nhau nữa. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh S và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh S. Hội đồng xét xử thấy, mặc dù anh S không đồng ý ly hôn và cho rằng vẫn còn tình cảm với chị T nhưng anh cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhau và ly thân đã lâu, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị T ly hôn anh S là phù hợp.

[3] Về nuôi dưỡng con chung: Vợ chồng chị T và anh S có 01 con chung là Mã Thị Thanh V, sinh ngày 02/7/2017. HĐXX thấy, con chung hiện nay do chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh S có nguyện vọng nuôi dưỡng con nhưng thường xuyên đi làm ăn xa nhà nên không có thời gian chăm sóc cháu nên cần giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống, quyền lợi mọi mặt của con chung là phù hợp.

- Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 3/2023 đến khi cháu V đủ 18 tuổi, tại phiên tòa anh S cũng đồng ý với mức cấp dưỡng, qua xác minh có thể hiện thu nhập của anh S trung bình là 200.000 đồng đến 300.000 đồng/ngày nên cần công nhận sự thỏa thuận về mức cấp dưỡng giữa anh S và chị T. Anh S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cùng chị T với mức 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 3/2023 đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn đề nghị thi hành án, nếu anh S không nộp đủ số tiền cấp dưỡng trên thì còn phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm nộp đối với số tiền chậm nộp cho đến khi nộp xong.

Sau khi ly hôn, anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh S thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: Chị T và anh S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh S phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Liễu Thị T được ly hôn anh Mã Văn S.
2. Về con chung: Giao cho chị Liễu Thị T nuôi dưỡng con chung là Mã Thị Thanh V, sinh ngày 02/7/2017.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cùng chị T với mức 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 3/2023 đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn đề nghị thi hành án, nếu anh S không nộp đủ số tiền cấp dưỡng trên thì còn phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm nộp đối với số tiền chậm nộp cho đến khi nộp xong.

Sau khi ly hôn, anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh S thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Về án phí: Chị Liễu Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008991 ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Xác nhận chị Liễu Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Mã Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7, 7a và điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- CCTHADS huyện Yên Thế;
- UBND xã Hồng Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên

